



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH IAN DANH
Last Middle First

Current Address: 110/4 ấp 4 Tam-Quí-Tay - Nhị Khê - Hochiminh city

Date of Birth: 07-18-1947 Place of Birth: Vĩnh Bình

Previous Occupation (before 1975) Sargent 2
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 12-19-1976 To 12-26-1980
Years: 04 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Đan - Thị - Cam - Hong</u>	<u>cousin</u>
<u>EL CATON CA 92020</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Scinh gọi cô Thô.

Đầu thủ gra đình cháu kính lời thăm cô cũng quý quyền được van sử lãnh, riêng cô vui khỏe hân phúc vui đông đảo, cũng như các quân nhân còn kẹt lại Việt Nam.

Chưa có, nguyên cháu có một người cậu vợ trước đây ông là đồng ngũ của cháu, đã nhiều lần cậu ấy trước vượt biên, những công việc không thành, hiện tại cậu cháu cũng kẹt lại Việt Nam, hai thời gian từ đây mặc dầu cậu này đã được thả tự do, tuy nhiên dưới sự kèm cặp của công sản, hợp nửa chỗ tam trí của cậu là nơi trước đây từng làm việc và công tác, vì là một cảnh sát đặc biệt, nên cũng có rất nhiều tên ác cũng như thủ cán với các cấp công sản tại địa phương, nên sẽ đi lại và mọi hoạt động của cậu rất khó khăn và mất tự do, cháu nghĩ chắc cô cũng biết là quân nhân cũng như đồng bào sống dưới chế độ công sản ra sao rồi phải ở cô; Nay cậu cháu đã tăng ký xin xuất cảnh sang mỹ theo diện từ cải tạo, và nhờ vợ cháu bảo lãnh hộ, chúng cháu nhờ cô xem xét, giúp đỡ và chuyển hồ sơ cho các cấp có thẩm quyền, hầu cậu sớm rời khỏi chế độ công sản để có cuộc sống tự do, chúng cháu thành thật biết ơn cô.

Chưa có tên đây vợ chồng cháu cũng nhờ có một việc, nên cô có thể giúp được thì cố thủ cho cháu rõ; vợ chồng cháu vượt biên tên mỹ bởi

năm 1985, hiện tại cháu còn hai đứa con ^{nhỏ} và đại 34
Việt-Nam và do một bà mẹ nuôi lo nuôi dưỡng suốt
12 năm qua; Sang năm 1986 cháu làm bảo lãnh
đứa con gái lớn 12 tuổi và đứa con trai kế 10 tuổi,
và một bà mẹ nuôi trên 50 tuổi, hiện cháu đã xin
được giấy nhập cảnh (I 171), không biết cháu là
một quân nhân của Việt Nam Cộng Hòa, có được xét
ưu tiên không cô; vì 2 cháu còn quá nhỏ bà mẹ
già đã nuôi dưỡng cháu hồi cháu còn vì thành niên,
và đã nuôi 2 đứa con cháu suốt 12 năm qua, vì
sau khi cộng sản cưỡng chiếm miền nam, ~~đi~~ ~~không~~
cháu bị cưỡng bách theo chiến dịch hồi hương,
hồi Choi Saigon, nên lúc ra đi không thể dẫn
hai đứa con cháu được, hiện tại chúng cháu rất
nhỏ con, hơn nữa vì cháu vì thường nhớ con nên
xảy ra bệnh tâm thần, nhưng cũng không biết làm
sao để 2 con cháu được sang đoàn tụ cháu sớm,
nay cháu viết thư này làm phiên cô mong cô
thứ lỗi cho, cháu cũng biết đây là ngoài
phạm vi của cô, nhưng nếu cô có điều kiện thì
cô cần giúp cháu cô nha.

Vài hàng thăm cô, các chú, các bác
cũng các anh chị em trong Hội từ ~~nhân~~ nhân
chính trị khỏe, cháu xin dừng bút nơi đây,
chúng cháu rất mong thư hồi âm của cô.

Vô cùng cháu
HAI & HỒNG

TB. Nếu cô có thể chuyển hồ sơ bảo lãnh của con
cháu (theo diện ưu tiên quân nhân) cho phái đoàn thi
cần những giấy tờ gì cô gửi cho cháu, cháu sẽ
gửi thư đến cô.



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

ODP IV # _____
(if known)

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF SAN DIEGO

SECTION I

Your Name: Mr/Ms DOAN THI CAM HONG Phone: (Home) _____
Family Middle Given (Work) _____

Your Address: _____
Number Street County/City State Zip Code

Date of Birth: 12.31.1952 Place of Birth: VINH LONG Nationality: VIETNAMESE

Date of Entry to U.S.: 12.04.85 From: (country/camp) VIET NAM

My Alien Registration Number: (if applicable) A-27746252

Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident X U.S. Citizen _____

My Naturalization Certificate Number: (if applicable) _____

SECTION II

I am filing the Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come the United States under the Orderly Departure Program (ODP).

A copy of my _____ I-94 (both sides) ✓ I-151 or _____ I-551 (Permanent Resident Card) is attached.

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting the Affidavit _____ yes X no. If yes, date submitted: _____ and date approved: _____.

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
1. HUYNH VAN OANH	7.18.47 VINH BINH	UNCLE	110/4 AP 4 XA TAN QUI TRAY
2. NGUYEN THI HOT	8.01.49 NHA BE	HIS wife	HUYEN NHA BE TP. HO CHI MINH
3. HUYNH ANH TUAN	9.22.68 NHA BE	HIS Son	Same
4. HUYNH ANH KIET	12.04.70 NHA BE	HIS Son	Same
5. HUYNH PHONG LUU	11.8.72 TON THAT THUYET	HIS son	Same
6. HUYNH THI ANH TUYET	11.16.74 TON THAT THUYET	HIS daughter	Same
7. HUYNH THI THU THAO	10.11.78 TON THAT THUYET	HIS daughter	Same

7. If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees; persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoner; or Amerasian, please complete the information in Section III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian-American:

Name of Principal Applicant	Date/Place of Birth	Relation (if any)	Address in Vietnam
HUYNH VAN OANH	7.18.47 VINH BINH	uncle	110/4 AP 4 XA TAN QUI TRAY HUYEN NHA BE TP. HO CHI MINH VIETNAM

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)

U.S. Government Agency _____ Last Title/Grade _____
Name/Position of Supervisor _____/_____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____
Last Title/Grade: _____/_____ Name/Position of Supervisor _____/_____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit POLICE COMMAND POST Last Title/Grade FIRST SERGEANT
Name/Position of Supervisor LIEUTENANT-COLONEL HO KHAC DAM / CAPTAIN TO VAN PHAT

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? Yes ☒ No ☐ Date: from 19.12.1976 to 5.12.1980

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School _____ Location _____
Type of Degree or Certificate _____
Date of Employment or Training: from _____ to _____
(month/year) (month/year)

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
Full Name of the Mother: _____ Address: _____
Full Name of the U.S. Citizen Father (if known): _____
His Current address: _____

SECTION IV

NAMES OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.

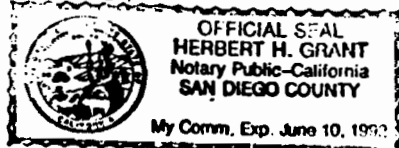
ADDITIONAL INFORMATION:

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Herbert H. Grant
Your Signature

Subscribed and sworn to before me this 20th day of Oct, 1989

Herbert H. Grant My Commission Expires: 06-10-92
Signature of Notary Public



**GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNISTS**
Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam
P.O. BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 • TEL: (714) 894-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM
Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị
(Two Copies)

IV. # _____
VEWL. # _____
H171: _____ Y _____ N _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name (Family name, middle, first): HUYNH VAN OANH
(Họ và tên theo thủ tự Việt Nam)
2. Sex: M DOB: 18 / 7 / 1947 Place of Birth: HUỖ THANH - TRÀ ON - VINH BINH
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit TRUNG SĨ ĐẶC BIỆT CÁN SÁT QUỐC GIA QUÂN 4
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B. ARREST

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: 19.12.1976
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Z 30^C HẠM TÂN THUẬN - HAI
(Tên địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: 26.12.1980
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: CÓ VỢ
(Cố gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children NGUYỄN THỊ HỌT 01.8.1949 HUỖN NHABE
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)
- HUYNH ANH VĂN 22.9.68 NHÀ BÈ, HUYNH ANH KIẾT 04.12.1970 HUỖN NHABE
HUYNH PHONG LỮ 08.11.72 SÀI GÒN, HUYNH ANH TUYẾT 16.11.1974 SÀI GÒN
HUYNH THỊ THU THAO 04.10.1981 BẢO SANH TỬ DŨ SÀI GÒN
3. Address of family: 110/4 ẤP 4 XÃ TÂN QUÍ TÂY - HUỖN NHABE, TP HO CHI MINH
(Địa chỉ gia đình)

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: ĐOÀN THỊ CẨM HỒNG Occupation NỘI TRỢ
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)
2. Address and phone number: _____, CA 92020
(Địa chỉ và điện thoại)

Phone _____

3. Relationship with detainee: Cháu Gai
4. Status in U.S.A.: Permanent Resident ☒ U.S. Citizen ☐
5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đường sự không?) Yes ☒ No ☐

Date: OCT/23/1989
(Ngày, tháng, năm)

HONG
Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)
(Certificate of Release)



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-6625

Telex: 710 822 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam HUYNH VAN DANH
Last Middle First

Current Address 110/4 AP 4 XÃ TAN QUI TAY HUYNH NHABE. TP. HO CHI MINH

Date of Birth 7.18.1947 Place of Birth VINH BINH VIET NAM

Names of Accompanying Relatives/Dependents

NGUYEN THI HOT His wife 8.01.49 NHABE. HUYNH PHONG LUU ^{His son} 11.8.72 TON THAT THUYET
HUYNH ANH TUAN ^{His son} 9.22.68 NHABE. HUYNH T ANH TUYET His daughter 11.16.74 - San
HUYNH ANH KIET ^{His son} 12.04.70 NHABE. HUYNH T THU THAO His daughter 10.4.81 - TU DU

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 19.12.1976 To 5.12.1980

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>DOAN THI CAM HONG</u>	<u>NIECE</u>		

Form Completed By:

DOAN THI CAM HONG HONG
Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

CÔNG AN TP. LỘ CHÍ MINH

CÔNG AN HUYỆN NHA BÚ

38: 3.7 / 124-41.

CONG BOA KA BOI CHU NGHIA VERT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----Y-----

11-

1848 - 1849

Lộ phận Dân ký xuất cảnh đi nước ngoài, Công an
huyện Hòa Bình, nhận họ sơ suất:

Ông, là: Sinh năm
 Cư ngụ địa chỉ:
 Xin đăng ký xuất cảnh đi nước:
 Lý do đăng ký xuất cảnh:
 Thân nhân cùng đăng ký:

Số hồ sơ Chuyển về phòng CTNN/LĐC
ngày Tháng Năm

Ngày ~~22~~ 22/11/1960

100-443887-100



RESIDENT ALIEN

U.S. Department of Justice - Immigration and Naturalization Service

DOAN, HONG CAM THI



HONG CAM THI DOAN

SOCIAL SECURITY

THIS NUMBER HAS BEEN ESTABLISHED FOR

CAMHONG T. DOAN

SIGNATURE

ALIEN REGISTRATION RECEIPT CARD

PERSON IDENTIFIED BY THIS CARD IS ENTITLED TO RESIDE PERMANENTLY AND WORK IN THE U.S.

27746252 11 53 255 662 42381

1997 07912 45331 00752 24373

120485 266 123 04500 6463633

ADDITIONAL DATA

UNIT

ADDITIONAL DATA

ADDITIONAL DATA

ADDITIONAL DATA

UNCLASSIFIED JAN 77

Số : ____/GCT

() + IAY LA THAI

Theo thông tư số 905-BCA/PT ngày 31/5/1961 của Bộ Nội vụ
Thi hành quyết định tha số 2079/GD-KH6 ngày 5/12/1980
của Bộ Nội vụ.

Kay cấp giấy tha cho Anh có tên sau đây

Họ, tên khai sinh : HUỖNH VĂN OANH TP. Hồ Chí Minh
Họ tên thường gọi : Ban quản lý Khuoi HTCT
Sinh năm : 1947 được về địa-trình diện
ngày 5 tháng 1 năm 1981
Nơi sinh : Vĩnh Long Thanh chế : không
Trú quán : 110/3 Ấp 4 - Xã Tân Quy - Nhà Bè - T/p Hồ Chí Minh
Can tội : Trung Sĩ CSDB khám man lý lịch trốn trình
diện
Bị bắt/ngày : 19/12/1970
Án phạt : 3 năm TTCT theo quyết định số 1615/UB-UB
ngày 8/6/1977 của UBND T/p Hồ Chí Minh
Kay về củ trú tại : (không được củ trú trong Thành phố, các nơi
khác do chính quyền địa phương quy định)

NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Tủ-tưởng : tỏ ra an tâm cải tạo xác định được tội lỗi trong cải
tạo có nhiều biểu hiện tiên bộ.
Lao động : đảm bảo ngày công, có chất lượng có tinh thần bảo quản
dụng cụ hoa màu của trại
Nội quy : Chấp hành nghiêm không có gì sai phạm.
Học tập : Tham gia học tập đều, ý thức tiếp thu bài khá

Lăn tay ngón trỏ phải Họ tên chủ ký của người ngày 20 tháng 12 năm 1980
Của : HUỖNH VĂN OANH được cấp giấy

GIÁM THỊ

CHỨNG NHẬN GIỐNG Y BẢN CHÍNH
XUẤT NHAI TẠI UBND XÃ TÂN QUY

(ký tên và
đóng dấu)

Ngày 22 tháng 9 năm 1984

UBND XÃ TÂN QUY

Thiền tá: PHẠM HUỆ.



NGUYỄN VĂN MƯỜI

XÁC NHẬN

D/S có đến trình diện tại địa phương

TÂN QUÍ, 30/12/1980 Xin chuyển DỘI BVCT Công An Huyện Nhà Bè

TRƯỞNG CÔNG AN XÃ

(Ký tên và
đóng dấu) NGUYỄN TÂN ĐAU

BVCT C.A. Huyện NHÀ BÈ

D/S có đến trình diện và đã làm
xon thủ tục. K/c đến địa phương
quản lý./.

Ngày 30 - 12 - 1980

(Ký tên và
đóng dấu) NGUYỄN NGỌC TÝ.

809101-8-70
04-8-10-70
04-8-10-70

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ- PHÁP

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN

TOÀ HOÀ- GIẢI
SAIGON

Lục sao y bản chính đề tại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

Số 5058 (1)

Ngày 25 tháng 8 năm 19 66 (1)

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

HUYNH VIN OANH

Năm một ngàn chín trăm

66 ngày 25 tháng 8 hồi 8 giờ 30

Trước mặt chúng tôi là

PHAN THANH TO

Chánh-án Toà Hoà-Giải

Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
phụ - tá

PHAN THANH TO

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.—

TRIU VAN NGOC

2.—

CAO VAN NAM

3.—

NGUYEN CHAU H *NG

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

HUYNH VIN OANH

sinh ngày 18-7-1947 tại Huà Thành, Trà Ôn, Vĩnh Bình (NamPhan)

con của HUYNH VIN LÂN (c) và ĐƯƠNG THỊ SÁU (c).

Và duyên cớ mà không có thể xin sao-lục
khai-sanh được, là vì NGUYEN VAN BAN là cậu họ

**Bộ sanh năm 1947 của làng Huà Thành không có nập tại Tòa
Án**

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam, Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-dơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

LỤC-SAO Y,

Saigon, ngày 25 tháng 8 năm 19 66

CHÁNH-LỤC-SỰ,

GIÁ TIỀN : 5000

ít cần nhắc mỗi khi
bổ thêm bản sao.

QUANG-NAM

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH GIA-ĐINH
QUẬN THÁI-Đ

XÃ LONG-TH

BỘ HÔN-TH

ĐÃ KIỂM SOÁT ĐÚNG THÔNG BỘ
Nhân-viên phụ-trá h,
Loan,

Năm 197

Số hiệu 273

Người chồng : (Tên, họ)	Huỳnh-văn-Canh
Sanh tại :	Huỳnh-Thành (Vĩnh-Bình)
Sanh ngày :	18 tháng 07 năm 1947
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Huỳnh-văn-Bền (C)
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	Dương-Thị-Sáu (C)
Người vợ : (Tên, họ)	Nguyễn-Thị-Hết
Vợ (chánh hay thứ) :	Chánh
Sanh tại :	Tân-Out-Dông, Gia-Đinh.
Sanh ngày :	01 tháng 08 năm 1949
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn-văn-Gòn (S)
Mẹ vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	Huỳnh-Thị-Anh (S)
Ngày cưới :	ngày 10 tháng 12 năm 1967

Trích y bốn chánh :

KIẾN-THỊ :
XÃ-TRƯỞNG,

Long-Xiôn, ngày 08 tháng 01 năm 197,
XÃ-TRƯỞNG KIỂM

MIỄN THỊ THỰC CHỮ KÝ

Tham chiếu : Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4366, BN/V, HC/29
ngày 3-8-70.

câu gởi gổ² túc
h3-88.

CHỦ

12H / SY. UN

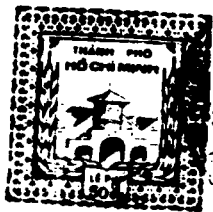
XUẤT

Ng - 30

SÁNH

NIÊN

05 - 1988



Chức

Chức



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **021102175**

Họ tên: **NGUYỄN THỊ HỢT**



Sinh ngày: **01-8-1949**

Nguyên quán: **Nhà Bè,**

TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú: **110/3 Trần Xuân**

Sơn, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Số:

CHỦNG NHÃN GIỒNG Y DÂN CHÍNH

Xuất trình tại UBND xã Tân Quy Tây

Ngày **15** tháng **5** năm **1987**

TM/UBND xã Tân Quy Tây

CHỦ TỊCH

LÝ VIÊN THỦ KÝ



Choi Phan...

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH.

Sẹo chấm c, 3cm trên
sau mép phải



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 22 tháng 6 năm 1979

TÀI LỆNH ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
HỘI TRƯỞNG CÔNG AN HUYỆN BÈ



Chauval

Thị trấn Công An



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **021147428**

Họ tên **HOÀNG ANH TUẤN**



Sinh ngày **22-9-1968**

Nguyên quán **Tân Quý,**

Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **10/1 Ấp Tân
Quý, Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh.**

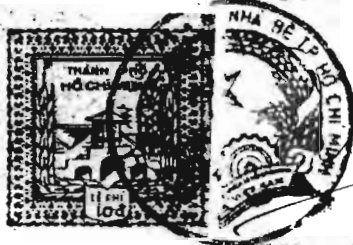
Số: _____

CHUNG NHẬN GIỐNG V BÀN CHÍNH
Xử lý trình tại UBND XE TÂN QUÝ TÂY

Ngày **27** tháng **5** năm **1984**

TM/UBND XE TÂN QUÝ TÂY

CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THỦ KÝ



Wor

Chờ Dân Chiến

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Khôn** ..

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC ĐI HÌNH



NGÓN TRỎ TRÁI

Sọc tròn 0,1cm cách
1cm sát cánh mũi phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 17 tháng 01 năm 1984

THAM DỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Thư ký

Thư ký Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022.12.0506**

Họ tên: **HUYỀN ANH KIẾP**



Sinh ngày: **04-12-1970**

Nguyên quán: **Tân Qui,**

Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú: **10/4 Ấp Tân-
Qui, Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh.**

Số:

GIẤY NHẬN GIẤY BÀN CHỮ

Xuất trình tại UBND xã Tân Qui

Ngày tháng năm

TM UBND xã Tân Qui

CHỦ TỊCH

M. NHÀ VIÊN THỦ KÝ



Choi Phan Chien

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT BÀN HOẶC DI HÌNH

NGON TRO TRAI

Sẹo, chạm cách 1,5cm
dưới đôi mắt trái

NGON TRO PHAI

Ngày 6 tháng 06 năm 1985

GIÁM ĐỐC CÔNG TRƯỜNG TỶ CÔNG AN

Chauky

Lê Thanh Văn

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: 4

Lập ngày 11 tháng 11 năm 19 72

PHƯỜNG

Số hiệu: 4685

Tên họ đứa trẻ. . . .	HUYNH PHONG LƯU
Con trai hay con gái. .	AM
Ngày sanh.	Tam, tháng mười một, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai.
Nơi sanh.	Saigon, Bao sanh Ton that thuyet
Tên họ người cha. . .	HUYNH VAN OANH
Tên họ người mẹ. . .	NGUYEN THI HOT
Vợ chánh hay không có hôn-thứ. . . .	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Dương Kim Nga

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 10 tháng 10 năm 19 74

KT Viên-Chức Hộ-Tịch, N 6

CHU SỰ HÀNH CHÁNH

CẨM-VĂN-ĐÔNG

MIỄN LỆ PHÍ



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

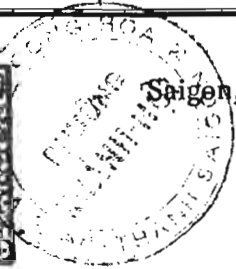
TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: Tứ
PHƯỜNG Khánh Hội

Lập ngày 20 tháng 11 năm 19 74

Số hiệu: 2523

Tên họ đứa trẻ. . . .	HUYỀN THỊ LAN TUYẾT
Con trai hay con gái. .	NỮ
Ngày sanh.	ngày mười sáu tháng mười một năm một nghìn chín trăm bảy mươi bốn
Nơi sanh	Saigon Bắc sanh Tôn thất Thuyết
Tên họ người cha. . .	Huỳnh Văn Canh
Tên họ người mẹ. . .	Nguyễn thị Hộ
Vợ chánh hay không có hôn-thú	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	Lê thị Minh Huyền



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH T/13

Saigon, ngày 3 tháng 12 năm 19 74

Viên-Chức Hộ-Tịch, Y

Nguyễn Văn Canh

Đại-Ủy BÌNH-DUY-ĐIỂM



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH VAN OANH
Last Middle First
- Current Address: 110/4 ẤP 4 - XÃ TÂN QUI TÂY - H. NHÀ BÈ - TP. HỒ CHÍ MINH
- Date of Birth: 7. 18. 1947 Place of Birth: HỒU THANH - TRẦN - VINH BÌNH
- Previous Occupation (before 1975) FIRST SERGEANT Special
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 19. 12. 1976 To 5. 12. 1980
Years: 4 Months: _____ Days: _____
3. SPONSOR'S NAME: ĐOÀN THỊ CẨM HỒNG
Name

Address and Telephone Number

Phone: _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

ĐOÀN THỊ CẨM HỒNG

NIECE

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH VAN DANH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
^W NGUYEN THI HÔT	01.8.1949	WIFE
HUYNH ANH TUÂN	22.9.1968	SON
HUYNH ANH KIẾT	04.12.1970	SON
HUYNH PHONG LỬU	08.11.1972	SON
HUYNH ANH TUYẾT	16.11.1974	Daughter
HUYNH THAO THẢO	04.10.1981	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : HUYNH VAN OANH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 7 18 1947
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : ✓ Female (Nu) : _____
MARITAL STATUS Single (Doc than) : _____ Married (Co lap gia dinh) : ✓
(Tinh trang gia dinh) :
ADDRESS IN VIETNAM : 110/4 ẤP 4 XÃ TÂN QUI TÂY - HUYỆN NHÀ BÈ
(Dia chi tai Viet-Nam) THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VIỆT-NAM
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 19.12.1976 To (Den) : 5.12.1980
PLACE OF RE-EDUCATION : Z 30 C HẠM TÂN THUẬN HẢI
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep) : ĐẠP XE BA GÁC (CHỖ ĐỒ MƯỠN)
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : _____
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : Trung Sĩ Cảnh Sát
ĐẶC BIỆT Date (nam) : _____
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : _____
IV Number (So ho so) : _____
No (Khong) : X
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : Sáu người
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 110/4 ẤP 4 - XÃ TÂN QUI TÂY
HUYỆN NHÀ BÈ - TP HỒ CHÍ MINH - VIỆT-NAM
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) :
ĐOÀN THỊ CẨM HỒNG
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : _____ No (Khong) : X
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : CHÁU GÁI
NAME & SIGNATURE : ĐOÀN THỊ CẨM HỒNG Hồng
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Phone
DATE : 12 01 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH VAN OANH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI HOT	01.8.1949	WIFE
HUYNH ANH TUAN	22.9.1968	SON
HUYNH ANH KIET	04.12.70	SON
HUYNH PHONG LUU	08.11.1972	SON
HUYNH ANH TUYET	16.11.1974	Daughter
HUYNH THU THAO	04.10.1981	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : HUYNH VAN OANH
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 7 18 1947
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 110/4 ẤP 4 XÃ TÂN QUI TÂY - HUYỆN NHÀ BÈ
(Dia chi tai Viet-Nam) THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VIỆT-NAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐

If Yes (Neu co): From (Tu): 19. 12. 1976 To (Den): 5. 12. 1980

PLACE OF RE-EDUCATION: Z 30 C HẠM TÂN THUẬN HẢI
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): ĐẠP XE BA GÁC (CHỖ ĐỒ MƯỜN).

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac):
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Trung Sĩ Cảnh Sát
ĐẶC BIỆT Date (nam):

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co):
IV Number (So ho so):
No (Khong): ☒

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): Sáu người
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tai

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 110/4 ẤP 4 - XÃ TÂN QUI TÂY
HUYỆN NHÀ BÈ - TP HỒ CHÍ MINH - VIỆT-NAM.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
ĐOÀN THỊ CẨM HỒNG

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong): ☒

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): CHÁU GÁI

NAME & SIGNATURE: ĐOÀN THỊ CẨM HỒNG HONIC

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Phone

DATE: 12 01 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH. VAN-DANH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI HOT	01.8.1949	WIFE
HUYNH ANH TUAN	22.9.1968	SON
HUYNH ANH KIET	04.12.70	SON
HUYNH PHONG LUU	08.11.1972	SON
HUYNH ANH TUYET	16.11.1974	Daughter
HUYNH THU THAO	04.10.1981	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HÉP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----ooo0ooo-----

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIÀO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi; thuận tủy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách, tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu, quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HÉP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Họ và Tên: HỒ VĂN HAI
Địa chỉ: _____

Điện thoại: 813 440-1111 (Số) 720-2211 (Nhà)

Tên tù nhân chính trị: HUYỀN H VĂN OANH
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.) Cháu vợ

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tủy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niệm liêm: X (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: _____ (tủy ý)

Thủ tủy, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE: 703-560-0058



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH VAN OANH
Last Middle First
- Current Address: 110/4 ẤP 4 - XÃ TÂN QUÍ TÂY - H. NHÀ BÈ - TP. HỒ CHÍ MINH
- Date of Birth: 7. 18. 1947 Place of Birth: HỦU THANH - TRÀ ON - VINH BÌNH
- Previous Occupation (before 1975) FIRST SERGEANT Special
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 19. 12. 1976 To 5. 12. 1980
Years: 4 Months: _____ Days: _____
3. SPONSOR'S NAME: ĐOÀN THỊ CẨM HỒNG
Name

Address and Telephone Number

Phone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

ĐOÀN THỊ CẨM HỒNG

NIECE

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH VAN DANH
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
^N NGUYEN THI HÔT	01. 8. 1949	WIFE
HUYNH ANH TUÂN	22. 9. 1968	SON
HUYNH ANH KIẾT	04. 12. 1970	SON
HUYNH PHONG LƯU	08. 11. 1972	SON
HUYNH ANH TUYẾT	16. 11. 1974	Daughter
HUYNH THU THẢO	04. 10. 1981	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

FR. HÔ VÂN HAI

SAN DIEGO CA 921

6 NOV 1 1989 PM



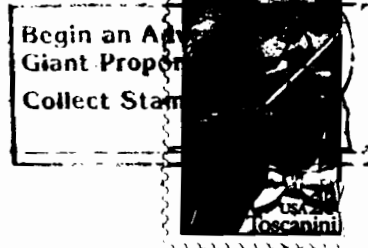
TO: BÀ KHÚC MINH THỎ
P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

U. S. A

NOV 10 1989

FR. HO VAN HAI



TO: HOI GIA-ĐÌNH TỰ-NHÂN CHÍNH-TRỊ Y. N
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
U. S. A .

JAN 6 1990